

Số: 13 /VMT

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 31 tháng 03 năm 2023

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công Ty Cổ Phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) năm 2022 với Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước Việt Nam, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI MIỀN TRUNG**

- Mã chứng khoán: VMT
- Địa chỉ: 184 đường Trần Phú, Phường Phước Ninh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
- Điện thoại liên hệ : 0236 3821240 Fax: 0236 3821310
- Email: info@vinatransdn.com.vn Website: <http://www.vinatransdn.com.vn>

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC năm 2022

BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2022):

Có

Không

Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2022):

Có

Không



Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 31/03/2023 tại đường dẫn: <https://www.vinatransdn.com.vn/co-dong/bao-cao-tai-chinh>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC năm 2022 đã kiểm toán
- Văn bản giải trình

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



Nguyễn Tấn Mẫn

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN
VẬN TẢI MIỀN TRUNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 15 /VMT

V/v giải trình lợi nhuận sau thuế TNDN
năm 2022

Đà Nẵng, ngày 31 tháng 03 năm 2023

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

- Căn cứ quy định về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán của tổ chức, quy định giải trình: “ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước”

Công ty Cổ Phần giao Nhận vận tải Miền Trung giải trình như sau :

ĐVT : đồng

Chỉ tiêu	Kết quả hoạt động kinh doanh		Chênh lệch	Tỷ lệ tăng / giảm
	Năm 2021	Năm 2022		
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	8.110.597.748	1.215.219.212	- 6.895.378.536	-85,01 %

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2022 đạt 1.215.219.212 đ, giảm tương ứng -85,01% so với năm 2021. Nguyên nhân chủ yếu là do Công ty bắt đầu khấu hao chi phí xây dựng Trung tâm Logistics Vinatrans Danang, đầu tư máy móc, trang thiết bị mới, chi phí lãi vay. Trong khi đó Trung tâm mới đi vào hoạt động, chưa mang lại doanh thu và hiệu quả cao.

Trân trọng cảm ơn

Nơi nhận :

-Như trên

- Lưu VT

Công ty CP Giao Nhận Vận Tải Miền Trung



Nguyễn Tấn Mẫn

Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022



Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 28

UAC
C
C
IAC
M
INH

Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0400426836 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 12 tháng 8 năm 2002, và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là cung cấp các dịch vụ vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu; đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận vận tải nước ngoài; dịch vụ các thủ tục hải quan và các dịch vụ có liên quan đến giao nhận vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu; kinh doanh kho bảo quản hàng hóa xuất nhập khẩu; kinh doanh kho bãi theo quy định của pháp luật.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 184 Trần Phú, Phường Phước Ninh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Bích Lâm	Chủ tịch	
Ông Vũ Quốc Bảo	Thành viên	bổ nhiệm ngày 11 tháng 5 năm 2022
Ông Nguyễn Ngọc Thắng	Thành viên	bổ nhiệm ngày 11 tháng 5 năm 2022
Ông Nguyễn Tấn Mẫn	Thành viên	
Bà Lê Hoàng Như Uyên	Thành viên	
Ông Nguyễn Nam Tiến	Thành viên	miễn nhiệm ngày 11 tháng 5 năm 2022
Ông Hồ Văn Tú	Thành viên	miễn nhiệm ngày 11 tháng 5 năm 2022

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Hồng Kim Chi	Trưởng ban	
Bà Nguyễn Trịnh Phương Thảo	Thành viên	
Ông Nguyễn Hải Nhật	Thành viên	bổ nhiệm ngày 11 tháng 5 năm 2022
Ông Nguyễn Anh Nam	Thành viên	miễn nhiệm ngày 11 tháng 5 năm 2022

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Tấn Mẫn	Tổng Giám đốc
Ông Hồ Văn Tú	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Tấn Mẫn.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:


- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.


Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc: 



Nguyễn Tấn Mẫn
Tổng Giám đốc

Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Ngày 24 tháng 3 năm 2023

Số tham chiếu: 12761246/66715487

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung ("Công ty") được lập ngày 24 tháng 3 năm 2023 và được trình bày từ trang 5 đến trang 28, bao gồm bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.




Building a better
working world

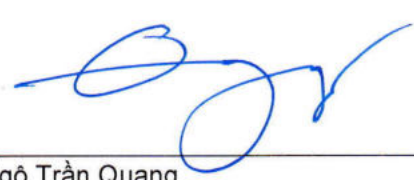
Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam




Hàng Nhật Quang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1772-2023-004-1


Ngô Trần Quang
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 5629-2020-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 24 tháng 3 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		36.031.743.058	25.699.783.814
110	I. Tiền	4	11.208.212.039	7.969.628.617
111	1. Tiền		11.208.212.039	7.969.628.617
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		1.144.200.000	300.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	1.144.200.000	300.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		12.135.409.789	9.194.967.258
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	9.089.603.898	4.252.450.564
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	908.917.740	3.226.097.072
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	2.136.888.151	1.716.419.622
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		11.543.921.230	8.235.187.939
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	179.894.311	91.583.693
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	12	11.364.026.919	8.143.604.246
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		143.121.043.211	105.256.928.440
220	I. Tài sản cố định		139.931.565.612	16.463.938.003
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	125.306.950.598	1.839.322.989
222	Nguyên giá		136.067.863.356	7.019.106.990
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(10.760.912.758)	(5.179.784.001)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	14.624.615.014	14.624.615.014
228	Nguyên giá		14.624.615.014	14.624.615.014
229	Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
240	II. Tài sản dở dang dài hạn		-	85.190.752.814
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	85.190.752.814
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn		-	1.779.412.618
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	785.212.618
255	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	994.200.000
260	IV. Tài sản dài hạn khác		3.189.477.599	1.822.825.005
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	8	3.189.477.599	1.822.825.005
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		179.152.786.269	130.956.712.254

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		120.657.555.360	72.909.200.557
310	I. Nợ ngắn hạn		40.191.277.286	51.019.200.557
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	7.021.018.164	19.525.496.583
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		2.788.900	272.806.968
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	364.701.007	164.645.469
314	4. Phải trả người lao động		1.029.327.834	1.004.198.855
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		92.591.334	33.396.859
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	13	224.000.000	270.686.000
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	14	1.922.581.313	357.979.853
320	8. Vay ngắn hạn	16	29.000.000.000	29.000.000.000
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	15	534.268.734	389.989.970
330	II. Nợ dài hạn		80.466.278.074	21.890.000.000
338	1. Vay dài hạn	16	80.466.278.074	21.890.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		58.495.230.909	58.047.511.697
410	I. Vốn chủ sở hữu	17.1	58.495.230.909	58.047.511.697
411	1. Vốn cổ phần		31.500.000.000	31.500.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		31.500.000.000	31.500.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		393.000.000	393.000.000
420	3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		2.878.400.693	2.472.870.806
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		23.723.830.216	23.681.640.891
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		22.826.111.004	15.571.043.143
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		897.719.212	8.110.597.748
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		179.152.786.269	130.956.712.254

Đặng Thị Lành

Đặng Thị Lành
Người lập/ Kế toán trưởng



Nguyễn Tấn Mẫn
Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
10	1. Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ	18.1	71.157.503.715	67.990.822.285
11	2. Giá vốn dịch vụ cung cấp	19	(67.767.718.733)	(62.425.047.457)
20	3. Lợi nhuận gộp từ cung cấp dịch vụ		3.389.784.982	5.565.774.828
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	18.2	6.914.796.017	7.045.088.909
22	5. Chi phí tài chính	20	(5.581.918.420)	(51.551.354)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(5.547.670.598)	-
26	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	(3.249.736.250)	(2.861.723.654)
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		1.472.926.329	9.697.588.729
31	8. Thu nhập khác	22	106.540.769	427.463.456
32	9. Chi phí khác	22	(76.888.466)	-
40	10. Lợi nhuận khác	22	29.652.303	427.463.456
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.502.578.632	10.125.052.185
51	12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	24.1	(287.359.420)	(2.014.454.437)
60	13. Lợi nhuận sau thuế TNDN		1.215.219.212	8.110.597.748
70	14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	17.5	285	3.561
71	15. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	17.5	285	3.561

Đặng Thị Lành

Đặng Thị Lành
Người lập/ Kế toán trưởng



Nguyễn Tấn Mẫn
Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.502.578.632	10.125.052.185
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình	9	5.631.128.757	381.122.924
03	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(79.928.975)	(9.519.213)
04	Lãi từ hoạt động đầu tư		(6.815.909.795)	(7.406.318.965)
05	Chi phí lãi vay	20	5.547.670.598	-
08	Lãi từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		5.785.539.217	3.090.336.931
09	Tăng các khoản phải thu		(6.168.272.611)	(12.330.725.580)
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(15.494.317.671)	685.544.230
12	Tăng chi phí trả trước		(1.454.963.212)	(35.730.283)
14	Tiền lãi vay đã trả		(5.884.161.102)	(503.209.861)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	12	(131.810.870)	(1.913.937.507)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	15	(623.221.236)	(397.500.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(23.971.207.485)	(11.405.222.070)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(39.204.945.962)	(70.945.005.900)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản		7.407.407	900.000.000
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(4.150.000.000)	(1.294.200.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		4.300.000.000	200.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(990.000.000)
26	Thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		7.372.822.950	10.071.315.000
27	Tiền thu từ lãi tiền gửi		228.299.463	162.101.849
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(31.446.416.142)	(61.895.789.051)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	17.1	-	15.750.000.000
33	Tiền thu từ đi vay	16	58.576.278.074	50.890.000.000
36	Cổ tức đã trả	17.2	-	(787.500.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		58.576.278.074	65.852.500.000
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		3.158.654.447	(7.448.511.121)
60	Tiền đầu năm		7.969.628.617	15.408.231.408
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		79.928.975	9.908.330
70	Tiền cuối năm	4	11.208.212.039	7.969.628.617

Đặng Thị Lành

Đặng Thị Lành
 Người lập/ Kế toán trưởng



Nguyễn Tấn Mẫn
 Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 3 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0400426836 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 12 tháng 8 năm 2002, và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là cung cấp các dịch vụ vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu; đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận vận tải nước ngoài; dịch vụ các thủ tục hải quan và các dịch vụ có liên quan đến giao nhận vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu; kinh doanh kho bãi theo quy định của pháp luật.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 184 Trần Phú, Phường Phước Ninh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Số lượng công nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 52 người (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 42).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Các chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.3 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 4 năm
Phương tiện vận tải	6 - 8 năm

Quyền sử dụng đất lâu dài thì không được trích hao mòn.

3.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm chi phí xây dựng nhà máy, chi phí lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang không được tính khấu hao cho đến khi các tài sản liên quan được hoàn thiện và đưa vào sử dụng.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên:

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

Cổ tức

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Công ty và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán cho đến khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên. Khi đó, cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán.

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần, hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	239.358.909	478.092.262
Tiền gửi ngân hàng	7.783.853.130	7.491.536.355
Tiền đang chuyển	3.185.000.000	-
TỔNG CỘNG	11.208.212.039	7.969.628.617

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi ngân hàng (*)	150.000.000	300.000.000
Trái phiếu (**)	994.200.000	-
TỔNG CỘNG	1.144.200.000	300.000.000

(*) Số cuối năm thể hiện khoản tiền gửi ngắn hạn tại ngân hàng thương mại có kỳ hạn mười hai (12) tháng và hưởng lãi suất từ 6,2%/năm.

(**) Số cuối năm thể hiện giá trị của 9.942 trái phiếu chuyển đổi do Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương phát hành, mệnh giá 100.000 VND/trái phiếu và hưởng lãi suất 7%/năm. Các trái phiếu này sẽ đáo hạn vào ngày 29 tháng 1 năm 2023.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 25)	1.273.241.496	146.856.110
Phải thu từ bên thứ ba	7.816.362.402	4.105.594.454
Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam	1.764.726.480	353.408.300
Công ty TNHH Thái Phúc Tấn	868.304.230	-
Các khách hàng khác	5.183.331.692	3.752.186.154
TỔNG CỘNG	9.089.603.898	4.252.450.564

6.2 Trả trước ngắn hạn cho người bán

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH TM-SX Tân Phương Phát	648.710.920	853.834.960
Công ty Cổ phần Đầu tư Khu Công nghiệp Hòa Cẩm	165.699.820	165.699.820
Các nhà cung cấp khác	94.507.000	2.206.562.292
TỔNG CỘNG	908.917.740	3.226.097.072

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng cho nhân viên	22.248.820	118.962.127
Ký quỹ, ký cược	-	75.000.000
Khác	2.114.639.331	1.522.457.495
TỔNG CỘNG	2.136.888.151	1.716.419.622

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	179.894.311	91.583.693
Bảo hiểm	90.553.677	-
Chi phí thuê văn phòng	25.000.000	25.000.000
Công cụ dụng cụ	1.432.140	18.754.545
Khác	62.908.494	47.829.148
Dài hạn	3.189.477.599	1.822.825.005
Công cụ dụng cụ	1.934.217.411	254.938.536
Tiền thuê đất	1.194.705.180	1.433.646.216
Khác	60.555.008	134.240.253
TỔNG CỘNG	3.369.371.910	1.914.408.698

Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá					VND
Số đầu năm	5.046.235.903	213.525.377	1.726.436.619	32.909.091	7.019.106.990
Chuyển từ xây dựng dở dang	86.166.781.489	25.686.556.699	402.253.281	-	112.255.591.469
Mua mới	4.817.034.819	10.010.730.078	2.015.400.000	-	16.843.164.897
Thanh lý	-	(50.000.000)	-	-	(50.000.000)
Số cuối năm	96.030.052.211	35.860.812.154	4.144.089.900	32.909.091	136.067.863.356
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	2.005.562.389	163.525.377	549.813.710	-	2.718.901.476
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số đầu năm	(3.536.784.994)	(213.525.377)	(1.429.473.630)	-	(5.179.784.001)
Khấu hao trong năm	(2.797.788.088)	(2.488.509.826)	(338.249.023)	(6.581.820)	(5.631.128.757)
Thanh lý	-	50.000.000	-	-	50.000.000
Số cuối năm	(6.334.573.082)	(2.652.035.203)	(1.767.722.653)	(6.581.820)	(10.760.912.758)
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	1.509.450.909	-	296.962.989	32.909.091	1.839.322.989
Số cuối năm	89.695.479.129	33.208.776.951	2.376.367.247	26.327.271	125.306.950.598

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm các quyền sử dụng đất lâu dài sau đây:

- Quyền sử dụng đất tại số 49 Phan Đăng Lưu, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng;
- Quyền sử dụng đất tại Lô số 202 – 203, Khu Quy hoạch Dân cư Hồ sinh thái, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định; và
- Quyền sử dụng đất tại 184 Trần Phú, Phường Phước Ninh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên bên khác	4.198.296.017	17.770.368.153
<i>Công ty Cổ phần Kỹ nghệ lạnh Á Châu</i>	2.000.000.000	4.532.141.214
<i>Allegro International Service Inc</i>	420.140.836	-
<i>Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Ngôi sao Mới LS</i>	403.473.132	709.714.818
<i>Các bên khác</i>	1.374.682.049	12.528.512.121
Phải trả các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 25</i>)	2.822.722.147	1.755.128.430
TỔNG CỘNG	7.021.018.164	19.525.496.583

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	8.143.604.246	6.287.258.318	(3.066.835.645)	11.364.026.919
Phải trả				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	131.810.870	287.359.420	(131.810.870)	287.359.420
Thuế thu nhập cá nhân	32.834.599	178.884.852	(143.477.043)	68.242.408
Thuế giá trị gia tăng	-	19.935.605	(10.836.426)	9.099.179
Các loại thuế khác	-	75.078.404	(75.078.404)	-
TỔNG CỘNG	164.645.469	561.258.281	(361.202.743)	364.701.007

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền trả trước về cho thuê kho, thuê mặt bằng	<u>224.000.000</u>	<u>270.686.000</u>

14. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi phải trả	1.529.452.085	-
Tiền cọc	365.000.000	285.000.000
Bảo hiểm xã hội	13.503.123	68.843.432
Khác	14.626.105	4.136.421
TỔNG CỘNG	<u>1.922.581.313</u>	<u>357.979.853</u>

15. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	389.989.970	2.626.494
Tăng trong năm	767.500.000	784.863.476
Giảm trong năm	<u>(623.221.236)</u>	<u>(397.500.000)</u>
Số cuối năm	<u>534.268.734</u>	<u>389.989.970</u>

16. VAY

	VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn	29.000.000.000	-	-	29.000.000.000
Vay từ bên liên quan	29.000.000.000	-	-	29.000.000.000
Vay dài hạn	21.890.000.000	58.576.278.074	-	80.466.278.074
Vay ngân hàng	21.890.000.000	58.576.278.074	-	80.466.278.074
TỔNG CỘNG	<u>50.890.000.000</u>	<u>58.576.278.074</u>	<u>-</u>	<u>109.466.278.074</u>

Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. VAY (tiếp theo)

16.1 Vay ngắn hạn từ bên liên quan

Chi tiết khoản vay ngắn hạn từ bên liên quan cho mục đích bổ sung nguồn vốn kinh doanh (Thuyết minh số 24) được trình bày như sau:

Bên liên quan	Số cuối năm VND	Lãi suất %/năm	Kỳ hạn Tháng	Ngày đáo hạn	Hình thức đảm bảo
Công ty Cổ phần Transimex	<u>29.000.000.000</u>	7	12	Từ ngày 15 tháng 6 năm 2023 đến ngày 22 tháng 7 năm 2023	Tin chấp

16.2 Vay dài hạn từ ngân hàng

Chi tiết khoản vay ngắn hạn dài hạn cho mục đích đầu tư xây dựng tài sản cố định được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm VND	Lãi suất %/năm	Kỳ hạn Tháng	Ngày đáo hạn	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Shinhan Bank	<u>80.466.278.074</u>	7	84	Từ ngày 25 tháng 11 năm 2028 đến ngày 6 tháng 12 năm 2028	Các quyền sử dụng đất tại Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam, bao gồm số 49 Phan Đăng Lưu, Phường Hòa Cường Nam và số 184 Trần Phú, Phường Phước Ninh.

Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

17.1 Tính hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước					
Số đầu năm	15.750.000.000	393.000.000	2.250.432.862	17.365.844.563	35.759.277.425
Tăng vốn	15.750.000.000	-	-	-	15.750.000.000
Trích lập các quỹ	-	-	222.437.944	(1.007.301.420)	(784.863.476)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	8.110.597.748	8.110.597.748
Cổ tức công bố	-	-	-	(787.500.000)	(787.500.000)
Số cuối năm	31.500.000.000	393.000.000	2.472.870.806	23.681.640.891	58.047.511.697
Năm nay					
Số đầu năm	31.500.000.000	393.000.000	2.472.870.806	23.681.640.891	58.047.511.697
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	405.529.887	1.215.219.212	1.215.219.212
Trích lập các quỹ	-	-	-	(1.173.029.887)	(767.500.000)
Số cuối năm	31.500.000.000	393.000.000	2.878.400.693	23.723.830.216	58.495.230.909

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

17.2 Vốn cổ phần

Cổ đông	Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh			Vốn cổ phần đã góp VND
	Số lượng cổ phần	Giá trị (VND)	% sở hữu	
Công ty Cổ phần Vinafreight	878.400	8.784.000.000	27,89	8.784.000.000
Công ty Cổ phần Logistics Vinalink	878.400	8.784.000.000	27,89	8.784.000.000
Công ty Cổ phần Transimex	708.460	7.084.600.000	22,49	7.084.600.000
Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam	304.800	3.048.000.000	9,68	3.048.000.000
Khác	379.940	3.799.400.000	12,05	3.799.400.000
TỔNG CỘNG	3.150.000	31.500.000.000	100,00	31.500.000.000

17.3 Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn cổ phần		
Số đầu năm	31.500.000.000	15.750.000.000
Tăng trong năm	-	15.750.000.000
Số cuối năm	<u>31.500.000.000</u>	<u>31.500.000.000</u>

17.4 Cổ phiếu

	Số cổ phiếu	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu đăng ký phát hành	3.150.000	3.150.000
Cổ phiếu đã phát hành	3.150.000	3.150.000
Cổ phiếu đang lưu hành	3.150.000	3.150.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: VND 10.000 (31 tháng 12 năm 2021: VND 10.000)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

17.5 Lãi trên cổ phiếu

Công ty sử dụng các thông tin sau đây để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Năm nay	Năm trước (điều chỉnh lại)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (VND)	1.215.219.212	8.110.597.748
Trừ: Quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(450.000.000)
Thù lao của HĐQT và BKS (VND) (*)	(317.500.000)	(295.500.000)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	897.719.212	7.365.097.748
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	3.150.000	2.068.269
Lãi cơ bản (VND)	285	3.561
Lãi suy giảm (VND)	285	3.561

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm trước đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và thù lao của HĐQT và BKS từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2021 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên ngày 11 tháng 5 năm 2022.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi của năm nay chưa được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt tại ngày lập báo cáo tài chính này.

Công ty không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm tàng nào kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm cho đến ngày lập báo cáo tài chính này.

18. DOANH THU

18.1 Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ

	Năm nay	VND Năm trước
Doanh thu dịch vụ vận tải	59.154.021.611	64.615.978.118
Doanh thu cho thuê kho bãi	9.896.133.825	2.860.116.895
Doanh thu cho thuê văn phòng	2.107.348.279	514.727.272
DOANH THU THUẦN	71.157.503.715	67.990.822.285
Trong đó:		
Các bên khác	67.470.919.754	66.939.725.429
Các bên liên quan (Thuyết minh số 25)	3.686.583.961	1.051.096.856

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. DOANH THU (tiếp theo)

18.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu tiền bán chứng khoán	6.587.610.332	6.821.527.618
Lãi tiền gửi	122.919.463	162.101.849
Cổ tức được chia	105.380.000	52.780.000
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	94.921.061	8.679.442
Khác	3.965.161	-
TỔNG CỘNG	<u>6.914.796.017</u>	<u>7.045.088.909</u>

19. GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn dịch vụ vận tải	54.215.797.871	60.686.881.688
Giá vốn cho thuê kho bãi	13.535.982.541	1.738.165.769
Giá vốn cho thuê văn phòng	15.938.321	-
TỔNG CỘNG	<u>67.767.718.733</u>	<u>62.425.047.457</u>

20. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	5.547.670.598	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	8.403.131	15.243.432
Khác	25.844.691	36.307.922
TỔNG CỘNG	<u>5.581.918.420</u>	<u>51.551.354</u>

21. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lương nhân viên	2.061.520.502	1.678.140.860
Chi phí dịch vụ mua ngoài	293.412.840	399.992.406
Chi phí khấu hao và hao mòn	165.449.352	145.977.572
Khác	729.353.556	637.612.816
TỔNG CỘNG	<u>3.249.736.250</u>	<u>2.861.723.654</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	106.540.769	427.463.456
Thu nhập từ khoản bồi thường	43.922.000	-
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	7.407.407	422.689.498
Thu nhập khác	55.211.362	4.773.958
Chi phí khác	(76.888.466)	-
Các khoản phạt	(36.098.466)	-
Khác	(40.790.000)	-
THU NHẬP KHÁC THUẦN	29.652.303	427.463.456

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	55.120.971.239	56.246.465.105
Chi phí lương nhân viên	7.019.554.773	5.808.279.692
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 9)	5.631.128.757	381.122.924
Khác	3.245.800.214	2.850.903.390
TỔNG CỘNG	71.017.454.983	65.286.771.111

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với thuế suất 20% thu nhập chịu thuế.

Báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

24.1 Chi phí thuế TNDN

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.502.578.632	10.125.052.185
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	300.515.727	2.025.010.437
<i>Điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	7.919.693	-
Cổ tức được chia	(21.076.000)	(10.556.000)
Chi phí thuế TNDN	287.359.420	2.014.454.437

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

24.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với bên liên quan

Các nghiệp vụ với các công ty có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Công ty có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư, nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một công ty. Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với bên liên quan được thực hiện dựa trên các điều khoản đã được thỏa thuận trong hợp đồng. Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm không cần bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

Giao dịch trọng yếu của Công ty với các công ty liên quan trong năm bao gồm:

VND				
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Logistic Vinalink	Cổ đồng	Mua dịch vụ	932.835.251	418.837.240
		Cung cấp dịch vụ	53.941.023	55.641.781
		Cổ tức	80.000	52.780.000
Công ty Cổ phần Vinafreight	Cổ đồng	Cung cấp dịch vụ	1.433.369.379	275.285.545
		Mua dịch vụ	207.466.996	33.600.000
Công ty Cổ phần Transimex	Công ty mẹ	Mua dịch vụ	4.529.749.650	2.301.206.967
		Lãi vay	1.480.474.140	-
		Cung cấp dịch vụ	1.228.161.948	605.719.530
		Lãi vay được vốn hóa	549.525.890	1.000.328.732
Công ty Cổ phần Vận tải Transimex	Công ty trong cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	971.111.611	114.450.000
Công ty TNHH MTV Transimex Hi Park Logistics	Công ty trong cùng tập đoàn	Mua tài sản	391.345.873	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

				VND	
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm	
Phải thu khách hàng ngắn hạn					
Công ty Cổ phần Transimex	Công ty mẹ	Cung cấp dịch vụ	634.773.804	-	
Công ty Cổ phần Vận tải Transimex	Công ty trong cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	575.299.144	125.895.000	
Công ty Cổ phần Logistic Vinalink	Cổ đông	Cung cấp dịch vụ	10.680.500	11.319.775	
Công ty Cổ phần Vinafreight	Cổ đông	Cung cấp dịch vụ	52.488.048	9.641.335	
			1.273.241.496	146.856.110	
Phải trả người bán ngắn hạn					
Công ty Cổ phần Transimex	Công ty mẹ	Mua dịch vụ	2.390.957.567	1.138.195.000	
		Lãi vay	-	574.958.871	
Công ty TNHH MTV Transimex Hi Park Logistics	Cổ đông	Mua tài sản cố định	430.480.460	-	
Công ty Cổ phần Vinafreight	Cổ đông	Mua dịch vụ	1.284.120	6.655.000	
Công ty Cổ phần Logistics Vinalink	Cổ đông	Mua dịch vụ	-	35.319.559	
			2.822.722.147	1.755.128.430	
Phải trả khác					
Công ty Cổ phần Transimex	Công ty mẹ	Lãi vay	1.529.452.085	-	
Vay ngắn hạn					
Công ty Cổ phần Transimex	Công ty mẹ	Vay	29.000.000.000	29.000.000.000	
Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong năm như sau:					
Tên	Chức vụ	Thu nhập			
		Năm nay	Năm trước		
Ông Nguyễn Tấn Mẫn	Tổng Giám đốc	427.041.994	272.341.529		
Ông Hồ Văn Tú	Phó Tổng Giám đốc	382.537.153	351.179.782		
TỔNG CỘNG		809.579.147	623.521.311		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty là bên cho thuê

Công ty hiện đang cho thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải thu trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	1.644.090.909	450.000.000
Từ 1 đến 5 năm	2.340.000.000	285.000.000
TỔNG CỘNG	3.984.090.909	735.000.000

27. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.



Đặng Thị Lành
Người lập/ Kế toán trưởng



Nguyễn Tấn Mẫn
Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 3 năm 2023